

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị Logistics trong thương mại điện tử		
Mã học phần:	71SCMN40263	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_71SCMN40263_01, 241_71SCMN40263_02		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☒ Có	☐ Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 17/11/2024.**

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân tích đặc điểm các loại mô hình fulfillment; và hoạch định chiến lược cho mô hình fulfillment	Trắc nghiệm	20%	Câu trắc nghiệm 1 tới 7, 11	1/3	PI 3.1, PI 3.2
CLO2	Phân tích quy trình xuất nhập khẩu bằng đường hàng không và đường biển, và các ứng dụng công nghệ trong hoạt động xuất nhập khẩu.	Trắc nghiệm	25%	Câu trắc nghiệm 8, 9, 10, 12	1/3	PI 3.1, PI 3.2
CLO3	Phân tích các tiêu chí lựa chọn vị trí nhà kho, và tính toán số lượng hàng tồn kho trong điều kiện không ổn định.	Tự luận	25%	Câu tự luận 1	4	PI 3.1, PI 3.2
CLO4	Đánh giá và lựa chọn vị trí nhà khoa bằng kỹ thuật AHP.	Tự luận	20%	Câu tự luận 2	2	PI 6.1, PI 7.1
CLO6	Duy trì khả năng tự học suốt đời; đồng thời phát triển khả năng chịu áp lực và tinh thần trách nhiệm trong học tập và làm việc	Trắc nghiệm	10%	Câu trắc nghiệm từ 1 tới 12		PI 10.1

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 câu + 0.4 điểm/câu)

Câu 1. Nếu một doanh nghiệp e-commerce nhận được nhiều khiếu nại về thời gian giao hàng chậm, vấn đề nằm ở đâu và nên giải quyết như thế nào?

A. Phải kiểm tra toàn bộ quy trình logistics, từ việc xử lý đơn hàng, vận chuyển, nhận hàng, và xem xét khả năng đáp ứng nhu cầu vận chuyển.

B. Vấn đề nằm ở phía khách hàng.

C. Nên tăng giá cước vận chuyển.

D. Khách hàng nên chấp nhận thời gian giao hàng chậm.

ANSWER: A

Câu 2. Amazon sử dụng nhiều robot trong các trung tâm Fulfillment. Điều này giúp Amazon đạt được lợi ích nào trong quản trị logistics?

A. Tất cả đều đúng

B. Giảm chi phí lao động.

C. Tăng tốc độ xử lý đơn hàng.

D. Tăng độ chính xác trong việc lấy hàng.

ANSWER: A

Câu 3 Trong một hợp đồng thuê tàu chuyển, điều khoản nào là quan trọng nhất để tránh rủi ro và đảm bảo lợi ích của cả hai bên?

A. Điều khoản về thời gian bốc dỡ hàng, cước phí, và trách nhiệm của các bên.

B. Điều khoản về mẫu mã bao bì của hàng hóa.

- C. Điều khoản về kiểu dáng của tàu.
- D. Điều khoản về thông tin của chủ hàng.

ANSWER: A

Câu 4. Mô hình nào được cho là linh hoạt nhất trong việc quản trị nhà kho khi cần phải thay đổi vị trí hoặc quy mô hoạt động thường xuyên?

- A. Kho tư nhân
- B. Kho công cộng.
- C. Kho CFS.
- D. Cross-docking

ANSWER: A

Câu 5. Yếu tố nào sau đây không nằm trong mục tiêu của các hoạt động Fulfillment?

- A. Quảng cáo trên truyền hình.
- B. Đáp ứng 3R (Đúng người, Đúng nơi, Đúng thời gian).
- C. Tối ưu chi phí vận chuyển.
- D. Tối ưu tốc độ giao hàng.

ANSWER: A

Câu 6. Kho nào sau đây thường được sử dụng để tập kết và phân loại hàng hóa của nhiều nhà cung cấp khác nhau?

- A. Kho công cộng
- B. Kho tư nhân
- C. Kho ngoại quan
- D. Kho CFS

ANSWER: A

Câu 7. Một doanh nghiệp thương mại điện tử đang phát triển nhanh chóng, dự kiến tăng trưởng mạnh trong năm tới. Để đáp ứng nhu cầu gia tăng về tốc độ và khả năng xử lý đơn hàng, mô hình Fulfillment nào sau đây phù hợp nhất nếu doanh nghiệp đang có hệ thống kho bãi và đội ngũ nhân viên ổn định?

A. Kết hợp mô hình In-store fulfillment với việc thuê ngoài logistics ngược, và tối ưu hóa sử dụng công nghệ WMS

B. Drop-shipping

C. Pure-play model

D. In-store fulfillment model.

ANSWER: A

Câu 8. Doanh nghiệp nhỏ muốn mở rộng ra thị trường quốc tế. Phương án thuê tàu nào là hiệu quả nhất để vận chuyển hàng hóa trong điều kiện số lượng hàng hóa không lớn, có thể thay đổi thường xuyên, và giá cả phải cạnh tranh?

A. Thuê tàu chợ (theo lịch trình).

B. Thuê tàu chuyên.

C. Thuê kho ngoại quan.

D. Thuê kho CFS.

ANSWER: A

Câu 9. Một doanh nghiệp e-commerce có kho bãi hiện hữu và lượng hàng hóa lớn. Để tối ưu hóa quản trị tồn kho và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất?

A. Sử dụng công nghệ WMS và phân tích dữ liệu về doanh số bán hàng để dự báo nhu cầu, tối ưu hóa mức tồn kho an toàn.

B. Giảm giá thành sản phẩm và phân tích dữ liệu về doanh số bán hàng để dự báo nhu cầu.

C. Tăng cường quảng cáo trên mạng xã hội.

D. Mở rộng thêm các cửa hàng vật lý.

ANSWER: A

Câu 10. Để nâng cao an ninh hệ thống Fulfillment, giải pháp nào sau đây là phù hợp nhất và có tính khả thi cao nhất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ?

A. Sử dụng các giải pháp mã hóa dữ liệu, đào tạo nhân viên về an ninh mạng, và cài đặt tường lửa.

B. Đầu tư hệ thống an ninh phức tạp với nhiều lớp bảo vệ.

C. Tăng cường hợp tác với các đơn vị an ninh chuyên nghiệp.

D. Chỉ tập trung vào hoạt động thương mại, không quan tâm đến an ninh.

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu hỏi 1: (4 điểm)

Công ty XML hiện phải giải quyết tồn kho cho 2 sản phẩm sau

Sản phẩm A có nhu cầu ổn định, là 350 món mỗi tháng. Mỗi món có giá là \$0.50, trong khi chi phí đặt hàng cố định để bổ sung A là \$4.00. Công ty tính toán rằng mỗi món A có phí lưu trữ bằng 10% đơn giá món hàng và hàng A chỉ được vận hành 340 ngày/năm. Ngoài ra, thời gian chờ hàng của hàng A này là 5 ngày.

Hãy tính toán lượng đặt hàng tối ưu, số lần đặt hàng, điểm tái đặt hàng và tổng chi phí lưu kho tương ứng cho sản phẩm A (trên năm). (3 điểm)

Sản phẩm B có nhu cầu hàng tuần và không ổn định, nhu cầu trung bình của B là 2500 món đi kèm với độ lệch chuẩn là 500 (theo phân phối chuẩn, giả định rằng nhu cầu hàng tuần của B là độc lập giữa hai tuần liên tiếp). Công ty áp dụng chính sách sẽ tái đặt 10000 món B nếu như mức tồn kho của B xuống tới mức 6100. Thời gian chờ hàng của B là 2 tuần. Dựa trên các dữ kiện trên, hãy tính mức độ đáp ứng nhu cầu khách hàng của công ty đối với hàng B và đưa ra kết luận phù hợp. (2 điểm)

Câu hỏi 2: (2 điểm)

Lựa chọn địa điểm đặt nhà kho trong các địa điểm A, B, C, D. Có 4 tiêu chuẩn để đánh giá lựa chọn địa điểm là TC1, TC2, TC3, và TC4. Kết quả đánh giá của các chuyên gia như sau

TC \ Địa điểm	1	2	3	4
A	4.5	4.5	3.5	3.5
B	4	4	5	4
C	3.5	4.5	4.5	4.5

D	3.5	4	2	5
---	-----	---	---	---

Mức độ quan trọng giữa các tiêu chí như sau:

- Tiêu chí 4 quan trọng hơn tiêu chí 1 và 2 lần lượt là 4 và 3 lần.
- Tiêu chí 3 quan trọng hơn tiêu chí 1 và 2 lần lượt là 3 và 2 lần.
- Tiêu chí 2 quan trọng hơn tiêu chí 1 là 2 lần
- Tiêu chí 3 và 4 có mức độ quan trọng bằng nhau

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1 – 12		1/3	
.....			
II. Tự luận		6.0	
Câu 1, sản phẩm A.	Đáp án Câu 1: Đối với sản phẩm A, EOQ được tính như sau (1 điểm): $Q^* = \sqrt{\frac{2SD}{H}} = \sqrt{\frac{2SD}{hC}} = \sqrt{\frac{2 \times 300 \times 12 \times 4}{0.08 \times 0.5}} = 820$ Tổng chi phí tồn kho liên quan (0.5 điểm) $TC = \left(\frac{D}{Q^*}\right)S + \left(\frac{Q^*}{2}\right)hC = 41$ B. Số lượng đơn đặt hàng (0.75 điểm) $N = \frac{D}{Q^*} = \sqrt{\frac{DhC}{2S}} = 5.12$ Thời điểm tái đặt hàng với L = 5 ngày được tính như sau (0.75 điểm) $ROP = \frac{D}{W}L = \frac{3600}{340}5 = 66.36 \text{ cuốn sổ}$	2.0	

Câu 1, sản phẩm B.	Đối với hàng B, để tính được mức độ thoả mãn nhu cầu khách hàng (CSL) ta cần tính các thông số sau: Nhu cậ dự kiến trong thời gian chờ hàng (0.25 điểm): $D_L = D \times L = 2 \times 2,500 = 5,000$ Độ lệch chuẩn dự kiến trong thời gian chờ hàng (0.25 điểm) $\sigma_L = \sqrt{L}\sigma_D = \sqrt{2} \times 500 = 707$ Mức độ dịch vụ chu kỳ (CSL) (0.25 điểm): $CSL = F(ROP, D_L, \sigma_L) = \text{NORMDIST}(ROP, D_L, \sigma_L, 1)$ $= \text{NORMDIST}(6100, 5000, 707, 1) = 0.94$ Hệ số mức độ đáp ứng nhu cầu khách hàng tương ứng là 1.56 Mức độ đáp ứng nhu cầu khách hàng 94% nghĩa là 94% chu kỳ bổ sung, hàng B được cung cấp đầy đủ nhu cầu khách hàng từ tồn kho có sẵn, 6% còn lại xảy ra thiếu hàng vì thiếu tồn kho. (0.25 điểm)	2.0																																																																																										
Câu 2	<table><tr><td></td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td></tr><tr><td>1</td><td>1</td><td>1/2</td><td>1/3</td><td>1/4</td></tr><tr><td>2</td><td>2</td><td>1</td><td>1/2</td><td>1/3</td></tr><tr><td>3</td><td>3</td><td>2</td><td>1</td><td>1</td></tr><tr><td>4</td><td>4</td><td>3</td><td>1</td><td>1</td></tr><tr><td>Tổng</td><td>10.00</td><td>6.50</td><td>2.83</td><td>2.58</td></tr></table> Bảng đánh giá chéo giữa các tiêu chí (0.5 điểm) lambda 4.03879665 CR 0.01436913 Lambda và CR chính xác (0.5 điểm) <table><tr><td>1</td><td>0.100</td><td>0.077</td><td>0.118</td><td>0.097</td><td>0.10</td></tr><tr><td>2</td><td>0.200</td><td>0.154</td><td>0.176</td><td>0.129</td><td>0.16</td></tr><tr><td>3</td><td>0.300</td><td>0.308</td><td>0.353</td><td>0.387</td><td>0.34</td></tr><tr><td>4</td><td>0.400</td><td>0.462</td><td>0.353</td><td>0.387</td><td>0.40</td></tr><tr><td>Tổng</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td></td></tr></table> Tính đúng bảng normarlized và trọng số (0.5 điểm) <table><tr><td></td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>D</td><td></td></tr><tr><td>Trọng số</td><td>0.10</td><td>0.16</td><td>0.34</td><td>0.40</td><td>Điểm</td></tr><tr><td>A</td><td>4.5</td><td>4.5</td><td>3.5</td><td>3.5</td><td>3.76</td></tr><tr><td>B</td><td>4</td><td>4</td><td>5</td><td>4</td><td>4.34</td></tr><tr><td>C</td><td>3.5</td><td>4.5</td><td>4.5</td><td>4.5</td><td>4.40</td></tr></table>		1	2	3	4	1	1	1/2	1/3	1/4	2	2	1	1/2	1/3	3	3	2	1	1	4	4	3	1	1	Tổng	10.00	6.50	2.83	2.58	1	0.100	0.077	0.118	0.097	0.10	2	0.200	0.154	0.176	0.129	0.16	3	0.300	0.308	0.353	0.387	0.34	4	0.400	0.462	0.353	0.387	0.40	Tổng	1	1	1	1			A	B	C	D		Trọng số	0.10	0.16	0.34	0.40	Điểm	A	4.5	4.5	3.5	3.5	3.76	B	4	4	5	4	4.34	C	3.5	4.5	4.5	4.5	4.40	2.0
	1	2	3	4																																																																																								
1	1	1/2	1/3	1/4																																																																																								
2	2	1	1/2	1/3																																																																																								
3	3	2	1	1																																																																																								
4	4	3	1	1																																																																																								
Tổng	10.00	6.50	2.83	2.58																																																																																								
1	0.100	0.077	0.118	0.097	0.10																																																																																							
2	0.200	0.154	0.176	0.129	0.16																																																																																							
3	0.300	0.308	0.353	0.387	0.34																																																																																							
4	0.400	0.462	0.353	0.387	0.40																																																																																							
Tổng	1	1	1	1																																																																																								
	A	B	C	D																																																																																								
Trọng số	0.10	0.16	0.34	0.40	Điểm																																																																																							
A	4.5	4.5	3.5	3.5	3.76																																																																																							
B	4	4	5	4	4.34																																																																																							
C	3.5	4.5	4.5	4.5	4.40																																																																																							

	D	4.5	4	2	5	3.78		
	Tính đúng bảng và chọn đúng địa điểm (0.5 điểm)							
	Điểm tổng						10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2024
Giảng viên ra đề

Th.S Nguyễn Viết Tịnh

Th.S Lê Hoàng Sơn